

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N h c : 2013-2014 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ã T : H c ph n : 131017200304 - V t l i u x^a y d ã ng H c k m : HK01

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ñ I M THI	QUY TS : 70%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671040641	36CLC-CĐ	ñ @ Gia B o	26/07/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	5.5	3.9	5.9	
2	3571010593	35CCĐ5	ñ @ Quang Bình	01/05/1993				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
3	3671040560	36CLC-CĐ	Tr ã ng Thanh Bình	18/06/1994				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	8.0	5.6	8.1	
4	3671041110	36CLC-CĐ	Nguy n H u C nh	07/10/1994				5.0	5.0	7.0	5.7	1.7	0.0	0.0	1.7	
5	3671040058	36CLC-CĐ	ñ @ Nguy ² n Cát	28/08/1994				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	7.0	4.9	7.4	
6	3671041188	36CLC-CĐ	Nguy n V ã ã C ã ng	22/10/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3671041895	36CLC-CĐ	Tr n Kh i C ã ng	21/05/1993				5.0	5.0	7.0	5.7	1.7	3.0	2.1	3.8	
8	3671040372	36CLC-CĐ	Nguy n T ã ã ng Chinh	27/12/1994				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	6.5	4.6	7.0	
9	3671040068	36CLC-CĐ	Tr n V ã ã Du n	06/02/1994				6.0	6.0	6.0	6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
10	3671040702	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n Đ ã ã	16/08/1993				6.0	6.0	6.0	6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
11	3671041133	36CLC-CĐ	Tr n Anh Đ ã ã	03/10/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	5.0	3.5	5.5	
12	3671040237	36CLC-CĐ	Lê Thanh H i	12/01/1994				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	0.0	0.0	1.9	
13	3671040857	36CLC-CĐ	V H S n H i	14/08/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
14	3571010143	36CLC-CĐ	Nguy n Thanh Hoàng	05/03/1993				7.0	7.0	6.0	6.7	2.0	8.0	5.6	7.6	
15	3671040736	36CLC-CĐ	T V ã ã H ó a	01/10/1993				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
16	3671041641	36CLC-CĐ	Ph m S n H ã ng	02/04/1994				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	8.0	5.6	7.8	
17	3671040043	36CLC-CĐ	Nguy n Anh K i t	14/10/1994				7.0	7.0	8.0	7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
18	3671040997	36CLC-CĐ	Bùi Duy Kh á nh	23/07/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	3671041997	36CLC-CĐ	Ph m M c Quang Khuê	13/08/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	2.5	1.8	3.8	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CLC-CĐ N ầ h c : 2013-2014 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 131017200304 - V t li u x ấ y đ ng H c km : HK01

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30%	ấ I M THI	QUY TS : 70%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671041948	36CLC-CĐ	Nguy n ấ c	Linh	18/03/1994				4.0	4.0	5.0	4.3	1.3	0.5	0.4	1.7	
21	3671040193	36CLC-CĐ	Ph m	L i	19/03/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
22	3671040535	36CLC-CĐ	Nguy n Nh t	Minh	09/04/1994				5.0	5.0	6.0	5.3	1.6	5.0	3.5	5.1	
23	3671041956	36CLC-CĐ	Nguy n H u	Nam	08/11/1994				6.0	6.0	7.0	6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
24	3671040078	36CLC-CĐ	Tr n ấ nh	Nam	29/12/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
25	3671040690	36CLC-CĐ	Tr n Hi u	Nhàn	29/04/1994				7.0	7.0	7.0	7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
26	3671041850	36CLC-CĐ	B ầ L ² Tu n	Phong	07/01/1994				9.0	9.0	8.0	8.7	2.6	6.0	4.2	6.8	
27	3671041572	36CLC-CĐ	Nguy n Ho ầ ng	Phúc	20/02/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3671040386	36CLC-CĐ	Nguy n Minh	Quang	14/07/1994				8.0	8.0	9.0	8.3	2.5	0.0	0.0	2.5	
29	3671040350	36CLC-CĐ	Ph ầ ng V ầ nh	Sang	25/04/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	3.0	2.1	4.1	
30	3671040284	36CLC-CĐ	Nguy n Ti n	S	09/01/1994				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	0.0	0.0	2.3	
31	3671040197	36CLC-CĐ	Nguy n T n	Tinh	19/03/1994				6.0	7.0	7.0	6.7	2.0	0.0	0.0	2.0	
32	3671040457	36CLC-CĐ	H C ầ ng	Tu n	13/10/1994				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3671041906	36CLC-CĐ	Nguy n C ầ ng	Thanh	02/12/1993				7.0	8.0	8.0	7.7	2.3	0.0	0.0	2.3	
34	3671041602	36CLC-CĐ	Tr n Ng c	Thành	23/08/1994				4.0	5.0	5.0	4.7	1.4	0.0	0.0	1.4	
35	3671041945	36CLC-CĐ	L ² Ti n	Th ng	20/06/1992				0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5	1.1	1.1	N HP
36	3671041131	36CLC-CĐ	Nguy n Minh	Trai	00/01/1900				8.0	8.0	8.0	8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
37	3671040959	36CLC-CĐ	Lê Công	Tri u	14/05/1994				5.0	6.0	7.0	6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	

T ñg s : 37 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa